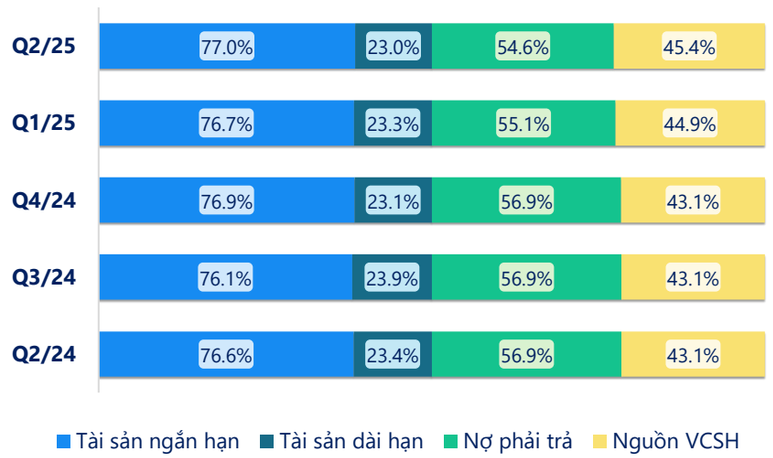
FireAnt

CTCP Lizen (HSX: LCG)

Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	9,430
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	11,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,990
SL cổ phiếu LH	193,090,832
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,765,330
% sở hữu nước ngoài	2.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,821
P/E	14.6
EPS	645

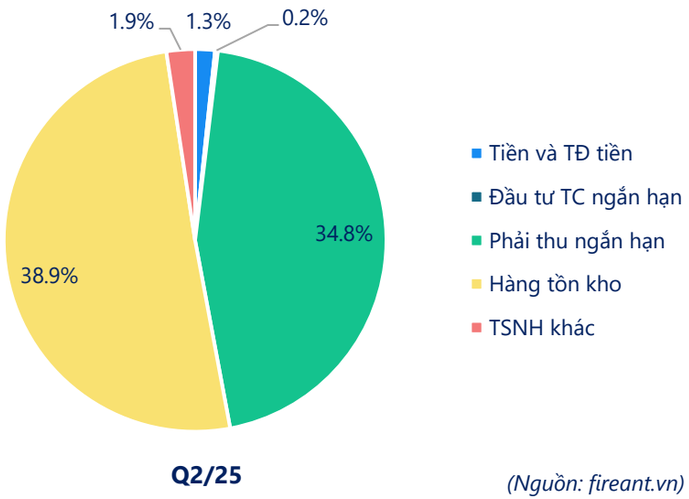
	YTD	1T	3T	6T
LCG	-8.9%	-2.2%	-7.5%	-10.2%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

Cơ cấu Tổng tài sản



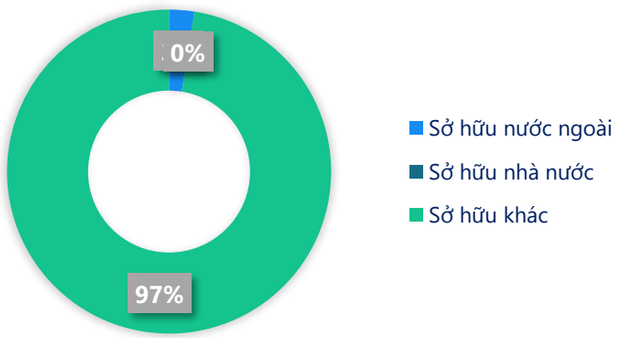
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



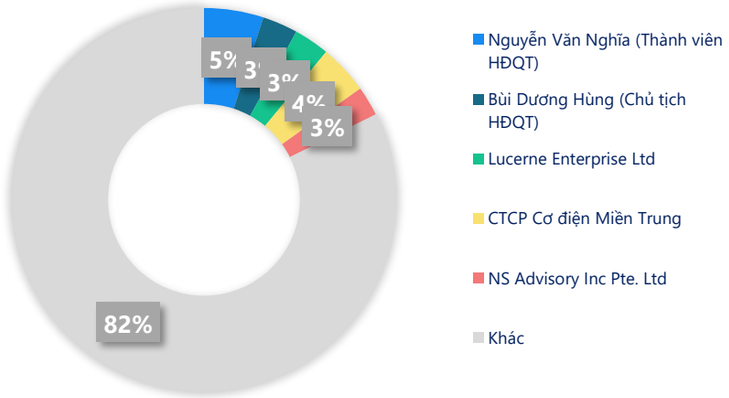
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



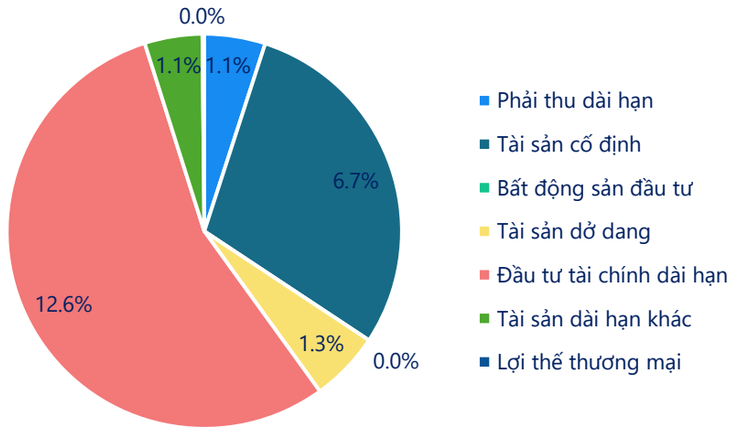
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

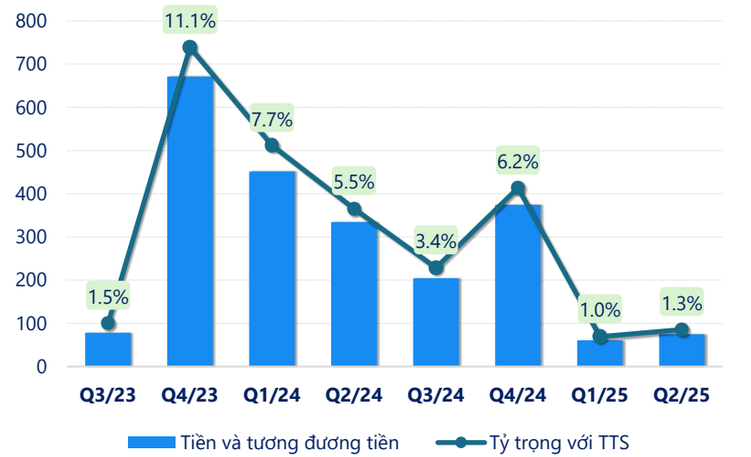


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

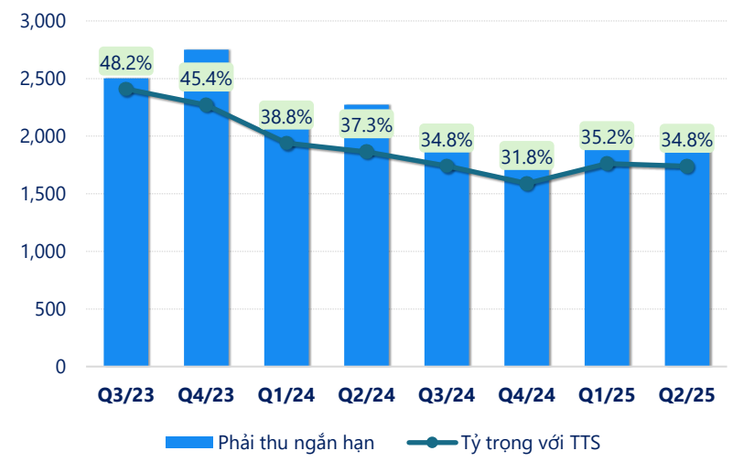
CTCP Lizen (HSX: LCG)

Tiền và tương đương tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



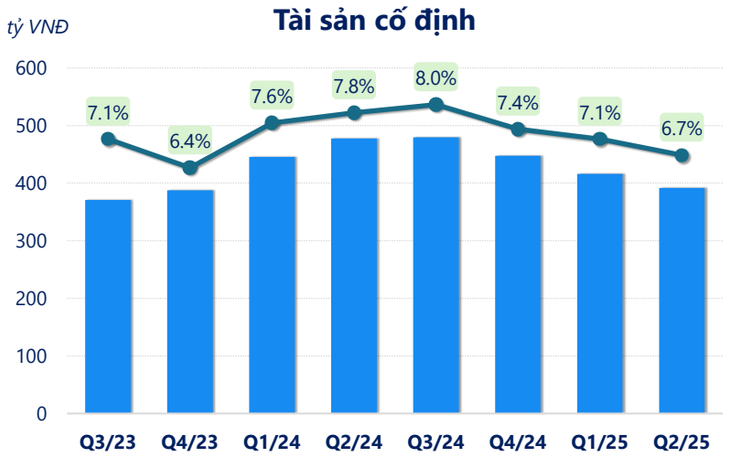
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



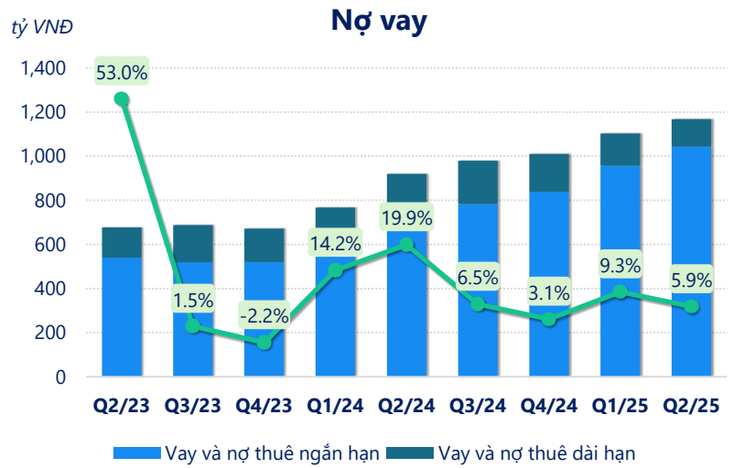
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



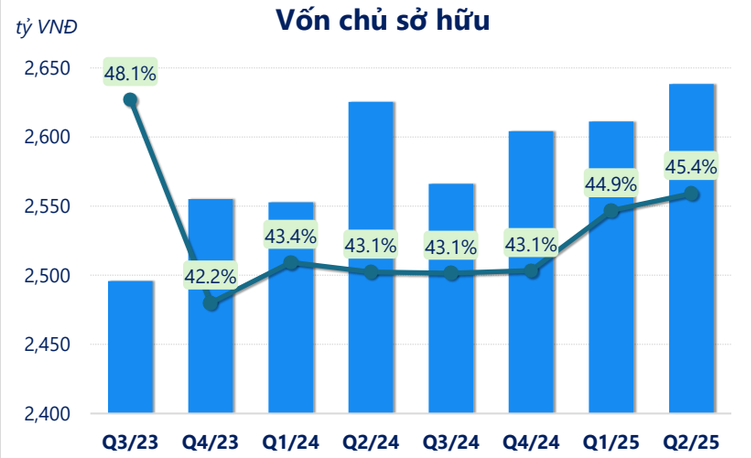
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

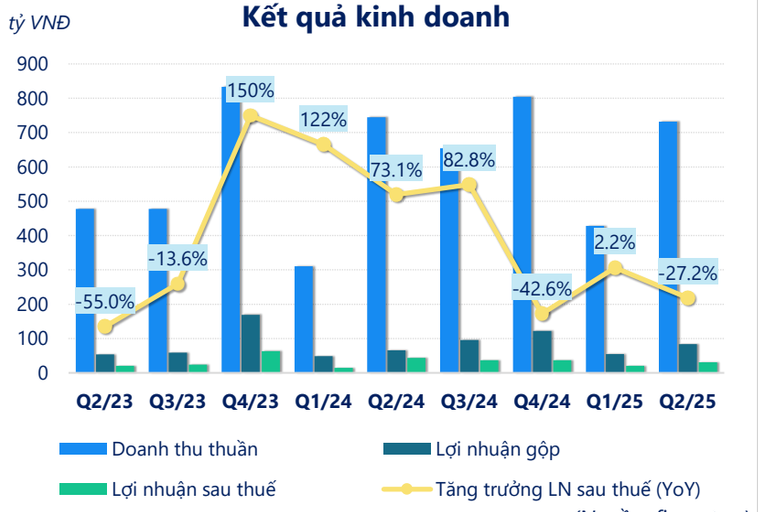


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

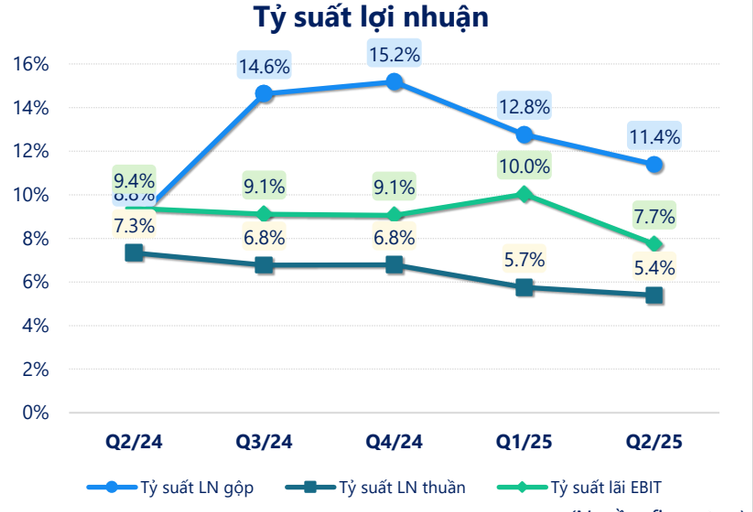
CTCP Lizen (HSX: LCG)

Kết quả kinh doanh



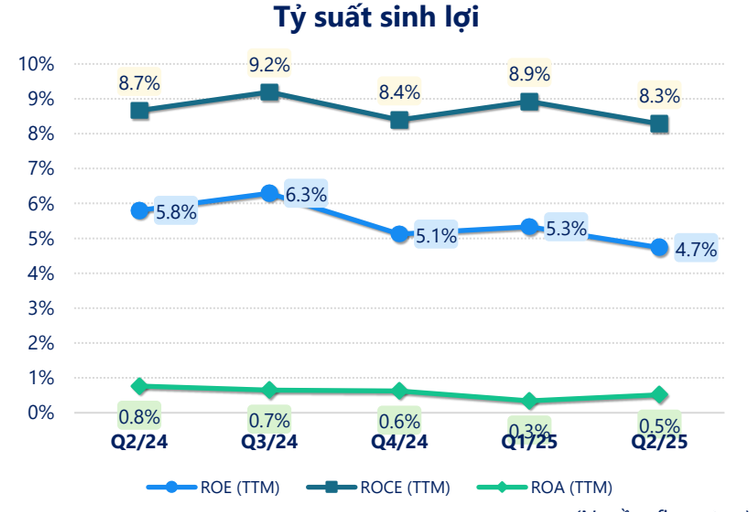
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



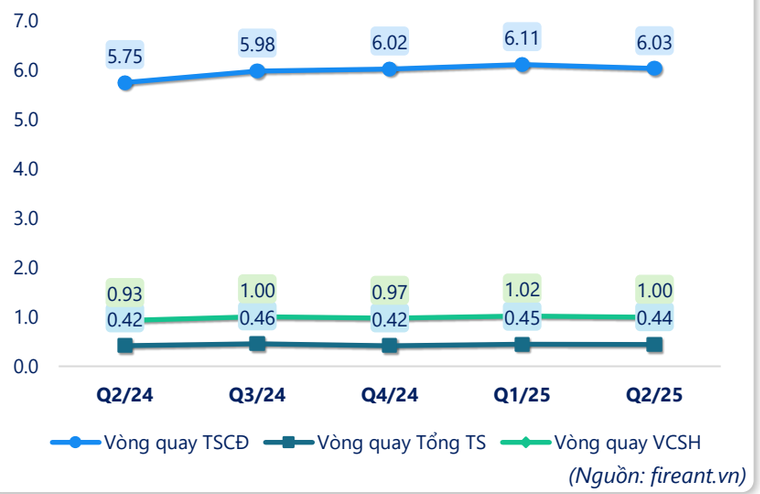
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



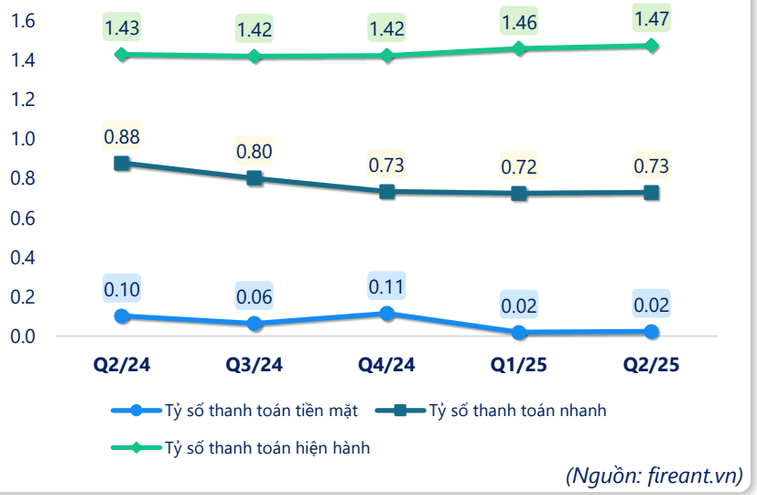
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



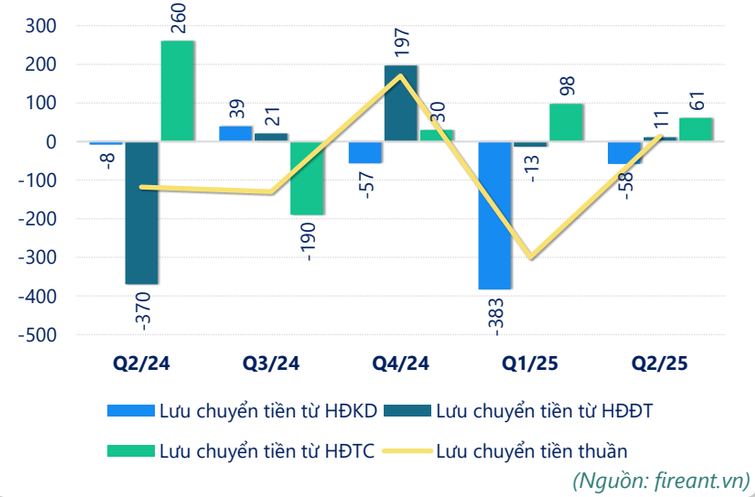
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Lizen (HSX: LCG)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**5,815**	**6,020**	**-3.4%**
Tài sản ngắn hạn	4,480	4,607	-2.8%
Tiền và tương đương tiền	74.8	360	-79.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.0	11.0	0.0%
Phải thu ngắn hạn	2,023	2,120	-4.6%
Hàng tồn kho	2,264	2,056	10.1%
Tài sản ngắn hạn khác	108	60.8	77.6%
Tài sản dài hạn	**1,335**	**1,413**	**-5.5%**
Phải thu dài hạn	66.7	73.1	-8.8%
Tài sản cố định	391	447	-12.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	76.5	76.4	0.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	735	738	-0.4%
Tài sản dài hạn khác	**63.1**	**74.9**	**-15.8%**
Lợi thế thương mại	2.06	2.77	-25.5%
Nợ phải trả	3,177	3,429	-7.3%
Nợ ngắn hạn	**3,040**	**3,256**	**-6.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,043	838	24.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	677	758	-10.7%
Nợ dài hạn	137	173	-21.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	125	171	-26.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,638**	**2,591**	**1.8%**
Vốn chủ sở hữu	**2,638**	**2,591**	**1.8%**
Vốn điều lệ	1,951	1,951	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	744	654	804	428	732
Giá vốn hàng bán	679	558	682	374	649
Lợi nhuận gộp	65.4	95.7	122	54.7	83.4
Doanh thu HĐTC	29.2	1.00	4.42	2.92	-1.01
Chi phí TC	18.1	16.4	22.5	18.0	17.2
Chi phí lãi vay	14.1	16.4	18.1	18.0	17.2
LN trong công ty LKLD	5.04	0	0	0	9.39
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	27.0	36.0	49.5	15.0	35.0
LN thuần từ HĐKD	54.6	44.3	54.5	24.6	39.5
Lợi nhuận khác	1.12	-1.13	0.20	0.36	-0.09
LN trước thuế	55.7	43.1	54.7	25.0	39.4
Lợi nhuận sau thuế	43.5	36.5	36.6	20.3	30.4
LNST của CĐ cty mẹ	43.5	36.4	37.7	20.0	30.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-8.07	39.2	-56.7	-383	-57.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-370	20.6	197	-13.4	11.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	260	-190	30.0	97.7	61.0
Tiền đầu kỳ	452	334	204	360	60.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-118**	**-130**	**170**	**-299**	**14.3**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	334	204	374	60.5	74.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic